

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2011

Mẫu số B 03a - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

CK - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - QUÝ III

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		153,134,046,846	246,713,549,236
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		32,166,562,311	83,741,368,871
1. Tiền		111	V.1	32,166,562,311	81,741,368,871
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	2,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		30,149,608,723	15,497,320,917
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2.2&2.3	32,080,009,283	19,289,020,636
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	V.3	(1,930,400,560)	(3,791,699,719)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		88,197,951,614	145,209,134,467
1. Phải thu khách hàng		131		-	78,500,000
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	2,694,879,300	498,868,500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133			-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		134	V.5	77,106,448,950	141,164,815,541
5. Các khoản phải thu khác		135	V.6	8,463,504,391	3,533,831,453
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		(66,881,027)	(66,881,027)
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		2,619,924,198	2,265,724,981
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	456,033,296	436,690,726
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154			
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.11	2,163,890,902	1,829,034,255

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2011

Mẫu số B 03a - CTCK

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51,595,882,111	51,230,634,803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25,739,266,001	28,641,357,008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4,205,550,725	4,257,962,114
<i>Nguyên giá</i>	222		12,846,718,684	11,496,044,819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,641,167,959)	(7,238,082,705)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21,533,715,276	24,192,832,394
<i>Nguyên giá</i>	228		30,107,626,930	29,727,894,430
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8,573,911,654)	(5,535,062,036)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	190,562,500
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22,000,000,000	19,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	22,000,000,000	19,000,000,000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,856,616,110	3,589,277,795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1,647,684,507	2,293,903,981
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2,047,831,603	1,196,943,814
4. Tài sản dài hạn khác	268		161,100,000	98,430,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		204,729,928,957	297,944,184,039

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2011

Mẫu số B 03a - CTCK

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		42,944,678,704	131,504,910,168
I. Nợ ngắn hạn	310		42,941,420,769	131,501,652,233
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	35,000,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.13	994,500,165	1,846,074,000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	85,000,000	85,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	241,044,569	1,713,606,068
5. Phải trả người lao động	315		761,265,389	636,615,754
6. Chi phí phải trả	316		873,404,868	586,197,519
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.16	32,533,899,538	77,567,890,416
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		200,865,100	111,803,055
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		1,000	1,209,643,900
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.17	7,251,440,140	12,744,821,521
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,257,935	3,257,935
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3,257,935	3,257,935
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		161,785,250,253	166,439,273,871
I. Vốn chủ sở hữu	410		161,785,250,253	166,439,273,871
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	161,000,000,000	161,000,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.18	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		271,963,694	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		271,963,694	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	419		65,346,483	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	175,976,382	5,439,273,871
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		204,729,928,957	297,944,184,039

Phụ trách kế toán

Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2011

Mẫu số B 03a - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2208/TT-BTC

CK - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ III

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2010	Quý III/2011	Đơn vị tính: VND	
					Kỳ trước	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13,613,523,298	6,700,921,511	42,604,641,579	29,255,383,953
<i>Trong đó</i>						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3,788,444,293	1,730,296,407	17,552,422,789	5,758,170,796
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		868,299,231	229,665,402	4,297,921,619	764,248,047
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		200,723,818	888,636,363	287,470,180	1,233,409,093
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		579,977,390	822,240,894	1,484,920,064	2,362,717,336
- Doanh thu khác	01.9		8,176,078,566	3,030,082,445	18,981,906,927	19,136,838,681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		13,613,523,298	6,700,921,511	42,604,641,579	29,255,383,953
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	5,352,266,768	1,306,653,190	10,715,462,676	8,000,319,966
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		8,261,256,530	5,394,268,321	31,889,021,403	21,255,063,987
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	7,405,654,522	6,730,456,477	21,614,871,132	21,028,952,181
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		855,602,008	(1,336,188,156)	10,274,307,771	226,111,806
8. Thu nhập khác	31	VI.3	121,643,736	3,404,059	380,862,756	136,164,371

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

9. Chi phí khác	32	VI.4	248,609,680	-	389,303,386	186,299,795
10. Lợi nhuận khác	40		(126,965,944)	3,404,059	(8,440,630)	(50,135,424)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		728,636,064	(1,332,784,097)	10,265,867,141	175,976,382
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			(340,763,297)		
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>728,636,064</u>	<u>(992,020,800)</u>	<u>10,265,867,141</u>	<u>175,976,382</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Phụ trách kế toán

Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2011

Mẫu số B 03a - CTCK

Ban hành theo T.Từ số 95/2208/TT-BTC

CK - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - QUÝ III - PPGT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		175,976,382	10,265,867,141
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,441,934,872	4,813,009,446
- Các khoản dự phòng	03		(1,861,299,159)	(4,041,354,220)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,030,082,445)	(8,176,078,566)
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(273,470,350)	2,861,443,801
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		37,162,342,270	(150,884,431,657)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46,056,256,007)	51,460,555,098
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		626,876,904	800,358,170
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,503,975,457)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,044,482,640)	(95,762,074,588)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,730,406,365)	162,345,847
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13,000,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10,000,000,000	21,038,449,461
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,030,082,445	8,176,078,566
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,700,323,920)	29,376,873,874



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, HN

Tel: 04.35730073 Fax: 04.35730088

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III năm 2011

Mẫu số B 03a - CTCK

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35,000,000,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,830,000,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39,830,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		(51,574,806,560)	(66,385,200,714)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	83,741,368,871	132,204,891,599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32,166,562,311	65,819,690,885

Phụ trách kế toán



Dương Thu Hà

Lập, ngày 14 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám Đốc



Đoàn Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ III năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các đơn vị trực thuộc được tổng hợp Báo cáo gồm: Hội sở, Chi nhánh Hồ Chí Minh, Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3- 5
Tài sản cố định khác	5

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 - 8 năm.

6. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Chi phí thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****I. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	491,310,336	204,475,492
Tiền gửi Ngân hàng	2,589,489,235	4,604,607,320
Tiền gửi của nhà đầu tư	29,085,762,740	78,932,286,049
Cộng	<u>32,166,562,311</u>	<u>83,741,368,861</u>

2. Tình hình đầu tư ngắn hạn**2.1 Tình hình tăng, giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán tự doanh**

Số đầu năm	<u>11,467,592,903</u>
Tăng trong kỳ	11,753,056,600
Giảm trong kỳ	(11,813,906,700)
Số cuối kỳ	<u>19,228,170,536</u>

2.2 Tình hình nắm giữ chứng khoán tự doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty niêm yết	189,314	5,862,114,470	372,959	15,522,964,570
- ACB	74	1,916,163	109,239	2,831,970,948
- HTI	10,000	207,866,000	10	207,866,000
- VCB	145,601	4,811,861,584	230,013	11,793,232,418
- Các cổ phiếu khác	33,639	840,470,723	23,707	689,895,204
Công ty chưa niêm yết	571,289	13,366,056,066	171,326	3,765,056,066
Cổ phiếu	571,288	13,365,056,066	171,326	3,765,056,066
- NVN	50,000	525,000,000	50	525,000,000
- MB	91,288	2,274,036,066	91,288	2,274,036,066
- MayVT	30,000	966,020,000	30	966,020,000
- BM	400,000	9,600,000,000		
Trái phiếu	1	1,000,000	1	1,000,000
- UNI	1	1,000,000	1	1,000,000
Cộng		<u>19,228,170,536</u>		<u>19,289,020,636</u>

2.3 Đầu tư ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ mua chứng khoán	12,851,838,747	0
Số cuối kỳ	<u>12,851,838,747</u>	<u>0</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	3,791,699,719	13,647,751,366
Trích lập dự phòng bổ sung	1,696,948,304	229,112,888
Hoàn nhập dự phòng	(3,558,247,463)	(10,085,164,535)
Số cuối kỳ	<u>1,930,400,560</u>	<u>3,791,699,719</u>

4. Các khoản ứng trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Nguyễn Thanh Bình	350,000,000	350,000,000
Phải thu Cty Toyota Giải phóng	2,081,316,600	
Các khoản phải thu khác	263,562,700	148,868,500
Cộng	<u>2,694,879,300</u>	<u>498,868,500</u>

5. Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về dịch vụ hỗ trợ khách hàng	9,582,132,865	19,554,201,151
Phải thu góp vốn hoạt động chứng khoán	66,631,528,958	120,326,727,263
Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán	827,006,100	1,217,006,100
Phải thu khác	65,781,027	66,881,027
Cộng	<u>77,106,448,950</u>	<u>141,164,815,541</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu HDKD cổ phiếu của phòng OTC	5,500,000,000	-
Phải thu Công ty vàng Toàn Cầu	167,676,000	167,676,000
Phải thu Công ty Cổ phần Thanh Niên		450,084,717
Phải thu khác	2,795,828,391	2,916,070,736
Cộng	<u>8,463,504,391</u>	<u>3,533,831,453</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà chi nhánh Thanh Hoá	16,000,000	9,500,000
Chi phí khác	440,033,296	183,503,226
Chi phí thuê nhà chi nhánh Hồ Chí Minh		243,687,500
Cộng	<u>456,033,296</u>	<u>436,690,726</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CPSXKD	
			trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn	253,587,322	1,340,740	227,787,511	27,140,551
Chi phí CCDC chờ phân bổ	557,887,156	194,566,910	402,995,687	349,458,379
Chi phí T.lập của chi nhánh	801,923,499	737,286,828	989,630,615	549,579,712
Chi phí sửa chữa chi nhánh	680,506,004	131,161,312	90,161,451	721,505,865
Cộng	2,293,903,981	1,064,355,790	1,710,575,264	1,647,684,507

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1,399,925,000	8,290,339,423	1,805,780,396	11,496,044,819
Tăng trong kỳ	1,416,100,000	986,992,793	17,820,000	2,420,912,793
Giảm trong kỳ		(483,000,000)	(587,238,928)	(1,070,238,928)
Số cuối kỳ	2,816,025,000	8,794,332,216	1,236,361,468	12,846,718,684
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	580,419,076	5,756,978,837	900,684,792	7,238,082,705
Tăng do khấu hao	249,360,275	1,210,272,197	216,083,877	1,675,716,349
Giảm trong kỳ		(272,631,095)		(272,631,095)
Số cuối kỳ	829,779,351	6,694,619,939	1,116,768,669	8,641,167,959
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	819,505,924	2,533,360,586	905,095,604	4,257,962,114
Số cuối kỳ	1,986,245,649	2,099,712,277	119,592,799	4,205,550,725

10. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	29,727,894,430	379,732,500		30,107,626,930
Giá trị hao mòn	5,535,062,036	3,038,849,618		8,573,911,654
Giá trị còn lại	24,192,832,394	379,732,500	3,038,849,618	21,533,715,276

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1,569,890,902	1,235,034,255
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	594,000,000	594,000,000
Cộng	2,163,890,902	1,829,034,255

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cty CP ĐT Thế giới vàng	15,000,000,000		10,000,000,000	5,000,000,000
Cty CP ĐTXD & TM ĐLMiền Bắc	4,000,000,000	13,000,000,000		17,000,000,000
Số cuối kỳ	19,000,000,000	13,000,000,000	10,000,000,000	22,000,000,000

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phòng TM & Công nghệ việt nam(VCCI)	990,210,165	1,715,064,000
Các đối tượng khác	4,290,000	131,010,000
Cộng	994,500,165	1,846,074,000

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Licogi 19	50,000,000	50,000,000
Các đối tượng khác	35,000,000	35,000,000
Cộng	85,000,000	85,000,000

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38,538,139	562,703,893	540,502,062	60,739,970
Thuế thu nhập cá nhân	1,161,548,322	348,209,630	1,509,757,952	-
Thuế thu nhập DN	25,666,762	202,787,968	204,089,419	24,365,311
Các loại thuế khác	487,852,845	2,076,457,582	2,408,371,139	155,939,288
Tổng cộng	1,713,606,068	3,190,159,073	4,662,720,572	241,044,569

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Sở GD chứng khoán	25,003,442,000	12,352,047,000
Phải trả TT lưu ký chứng khoán	6,010,000	235,199,500
Phải trả tổ chức & các nhân khác	7,524,446,538	64,980,643,916
Cộng	32,533,898,538	77,567,890,416

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Phải trả phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	132,995,949	123,608,698
Bảo hiểm xã hội	84,690,076	40,979,962
Bảo hiểm y tế	18,199,004	10,346,875
Bảo hiểm thất nghiệp	6,920,958	3,140,788
Phải trả ngân hàng		12,165,907,378
Phải trả phải nộp khác	214,944,966	400,837,820
Phải trả cổ tức IVS năm 2010	4,830,000,000	
Doanh thu ghi nhận trước	1,963,689,187	
Cộng	<u>7,251,440,140</u>	<u>12,744,821,521</u>

18. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Trích quỹ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	161,000,000,000	5,439,273,871		166,439,273,871
Trả cổ tức IVS năm 2010		(4,830,000,000)	4,830,000,000	(4,830,000,000)
Trích lợi nhuận sau thuế		(609,273,871)	609,273,871	-
Lợi nhuận trong kỳ		175,976,382		175,976,382
Số dư cuối kỳ	<u>161,000,000,000</u>	<u>175,976,382</u>	<u>5,439,273,871</u>	<u>161,785,250,253</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	<u>Số PS quý III</u>
Chi phí môi giới chứng khoán	296,688,697
Chi phí hoạt động tư doanh chứng khoán	362,237,567
Chi phí dịch vụ tư vấn	27,619,997
Chi phí lưu ký chứng khoán	117,363,859
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(721,856,238)
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	529,086,467
Chi phí kinh doanh khác	695,512,841
Cộng	<u>1,306,653,190</u>

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số PS quý III</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2,683,256,479
Chi phí đồ dùng văn phòng	129,619,230
Chi phí vật liệu quản lý	30,838,801
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,558,143,367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,630,293,759
Chi phí bằng tiền khác	698,304,841

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	Số PS quý III
	6,730,456,477
3. Thu nhập khác	Số PS quý III
Thu phí chuyển nhượng cổ phiếu	1,018,855
Thu nhập khác	2,385,204
Cộng	3,404,059

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý III
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
<i>Cơ cấu tài sản</i>		
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74,8
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	24,48
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,2
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,02
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,77
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,57
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16
Tỷ suất sinh lời		
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(19,89)
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(0,65)
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>		
	%	(0,61)

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2011

Phụ trách kế toán

Dương Thu Hà

Tổng Giám Đốc

**Đoàn Ngọc Hoàn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	Số PS quý III
	6,730,456,477
3. Thu nhập khác	Số PS quý III
Thu phí chuyển nhượng cổ phiếu	1,018,855
Thu nhập khác	2,385,204
Cộng	3,404,059

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý III
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
<i>Cơ cấu tài sản</i>		
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74,8
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	24,48
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,2
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,02
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,77
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,57
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16
Tỷ suất sinh lời		
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(19,89)
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(0,65)
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>		
	%	(0,61)

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2011

Phụ trách kế toán


Dương Thu Hà**Tổng Giám Đốc****Đoàn Ngọc Hoàn**